

NGHỊ QUYẾT
Đặt tên đường, tên phố và công trình
công cộng trên địa bàn phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN
KHÓA XVIII KỲ HỌP THỨ TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP của Chính phủ;

Thực hiện Kết luận số 408-KL/TU ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc đặt tên đường, tên phố và công trình công cộng trên địa bàn phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên;

Xét Tờ trình số 323/TTr-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết đặt tên đường, tên phố và công trình công cộng trên địa bàn phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên; Báo cáo thẩm tra số 573/BC-BVHXH ngày 27 tháng 9 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đặt tên đường, tên phố và công trình công cộng trên địa bàn phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên, cụ thể như sau:

- Đặt tên 03 đường trục chính (Phụ lục số 01 kèm theo Nghị quyết).
- Đặt tên 38 tuyến đường, 14 tuyến phố (Phụ lục số 02 kèm theo Nghị quyết).
- Đặt tên 09 công trình công cộng (Phụ lục số 03 kèm theo Nghị quyết).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

- Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên Khóa XVIII Kỳ họp thứ Tư nhất trí thông qua ngày 28 tháng 9 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Đảng ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh Hưng Yên;
- Cổng thông tin điện tử Đại biểu nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Hưng Yên;
- Lưu: VT, CV.



CHỦ TỊCH

Ký bởi: Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên
Cơ quan: Tỉnh Hưng Yên
Thời gian ký: 01/10/2026 20:55:09

Trần Quốc Văn

PHỤ LỤC 01
DANH MỤC CÁC TUYẾN ĐƯỜNG TRỰC CHÍNH ĐẶT TÊN
(Kèm theo Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 28/9/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Tên đường	Khu vực đi qua	Vị trí đường		Kích thước (m)		
			Điểm đầu (bắc, đông)	Điểm cuối (nam, tây)	Chiều dài	Chiều rộng	
						Hiện trạng	Quy hoạch
1	DẠ TRẠCH	TDP Chợ Gạo, TDP Ấp Dâu, TDP Nhân Dục, TDP An Vũ	Đường Lê Văn Lương	Đường Tô Hiệu	2.673	6,5	34
2	VÕ NGUYỄN GIÁP	TDP Đào Đặng, TDP Vân Phương và TDP An Chiểu	Quốc lộ 38B	Quốc lộ 39A	4.000	24-36	36
3	LÊ GIẢN	TDP An Thượng, TDP An Bình, TDP An Dương, TDP Đông Chiểu và TDP An Chiểu	Đường Trung Nghĩa	Đường Tô Hiệu	3.567	16-20	36

Mina

PHỤ LỤC 02
DANH MỤC CÁC TUYẾN ĐƯỜNG, PHỐ ĐẶT TÊN
(Kèm theo Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 28/9/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Tên đường, phố	Khu vực đi qua	Vị trí đường		Kích thước (m)		
			Điểm đầu (bắc, đông)	Điểm cuối (nam, tây)	Chiều dài	Chiều rộng	
						Hiện trạng	Quy hoạch
I. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG TRONG ĐÔ THỊ							
1	TÍNH LINH	TDP Tính Linh	Đường giáp ranh cánh đồng Lương Xá, xã Hiệp Cường	Giao với đường Trung Nghĩa	1.030	12	24
2	TRẦN QUỐC NGHIÊN	TDP Tính Linh	Đường giáp ranh cánh đồng Lương Xá, xã Hiệp Cường	Giao với tuyến đường Quốc lộ 38B	1.507	9	15,5
3	ĐẦU SƠN	TDP Tính Linh	Đường Nguyễn Văn Linh, phường Sơn Nam	Giao với tuyến đường Quốc lộ 38B	2.400	24	
4	ĐỖ HÀNH	TDP Tính Linh	Đường Tính Linh	Đường Đầu Sơn	733	7	24
5	TRUNG NGHĨA	TDP Tính Linh; TDP An Thượng	Tiếp giáp đường nội đồng thôn Linh Hạ, xã Hoàng Hoa Thám	Đường Lê Giản	1.465	18	24
6	ĐÀO ĐẶNG	TDP Đào Đặng	Đường Quốc lộ 38B	Đường nối hai đường cao tốc Hà Nội – Hải Phòng với Cầu Giẽ-Ninh Bình	1.386	6	
7	GIÁP LỄ	TDP Đào Đặng	Đường Lê Văn Lương	Đường Đình Lễ	482	11	

Máy

TT	Tên đường, phố	Khu vực đi qua	Vị trí đường		Kích thước (m)		
			Điểm đầu (bắc, đông)	Điểm cuối (nam, tây)	Chiều dài	Chiều rộng	
						Hiện trạng	Quy hoạch
8	CÀN ĐÀ	TDP Đào Đặng	Đường Giáp Lễ	Đường trục phía bắc khu Đại học Phố Hiến	1.426	5	11
9	TRẦN LỮ	TDP Đào Đặng	Đường Đào Đặng	Thửa đất ONT 559/253.3 (tờ 82)	798	6,5	11
10	CHIẾN THẮNG	TDP Đào Đặng	Đường Quốc lộ 38B	Đường Đình Lễ	458	5	
11	ĐÌNH LỄ	TDP Đào Đặng	Đường Trần Hựu Thiện	Thửa đất LUC 310/520 (tờ 66)	863	6	27
12	THANH BÌNH	TDP Đào Đặng	Đường Càn Đà	Đường trục phía bắc khu Đại học Phố Hiến	563	11	13,5
13	TRẦN HỮU THIỆN	TDP Đào Đặng	Đường Đào Đặng	Đường trục phía bắc khu Đại học Phố Hiến	548	5	
14	AN THƯỢNG	TDP An Thượng	Đường Trung Nghĩa	Đường Nguyễn Văn Linh	1.349	24	24
15	HÀM TỬ	TDP An Thượng	Thửa đất số ODT 1/277 Thửa 1/329,6 (tờ 104)	Đường Yết Kiêu	502	5	15,5
16	NGUYỄN ĐỊA LÔ	TDP An Thượng	Đường Lê Giản	Đường Yết Kiêu	461	5	28
17	HOÀNG MINH THẢO	TDP An Thượng, phường Sơn Nam	Cầu Hiệp Cường, xã Hiệp Cường	Giao với đường Lê Văn Lương	3.520	6	34

TT	Tên đường, phố	Khu vực đi qua	Vị trí đường		Kích thước (m)		
			Điểm đầu (bắc, đông)	Điểm cuối (nam, tây)	Chiều dài	Chiều rộng	
						Hiện trạng	Quy hoạch
18	NGUYỄN THỊ NGHĨA	TDP An Bình	Đường Lê Văn Lương	Đường Hoàng Ngân	414	7	
19	BÙI CÔNG HỘ	TDP An Bình	Đường Hoàng Ngân	Đường Lê Giải	513	4,5	
20	AN DƯƠNG	TDP An Bình, TDP An Dương và TDP Đông Chiểu	Đường Hoàng Ngân	Đường Chu Diên	958	4,5	
21	TRIỆU TÚC	TDP An Dương	Đường An Dương	Đường Dạ Trạch	375	6	15,5
22	CHU DIÊN	TDP Đông Chiểu	Đường Liên Phương	Đường trục Trung tâm khu Đại học Phố Hiến	963	5	
23	LÊ HỮU DANH	TDP Vân Phương	Đường Dựng	Đường Lê Hữu Kiều	299	8	
24	LIÊN PHƯƠNG	TDP Đông Chiểu, TDP An Chiểu, TDP Vân Phương	Đường Chu Diên	Thửa đất số 686/223.4 (Tờ 161)	2.308	11	26
25	DỰNG	TDP Vân Phương, TDP Đông Chiểu, TDP An Chiểu	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Quốc lộ 39A	1.496	15,5	15,5
26	AN CHIỂU	TDP An Chiểu	Đường Lê Giải	Đường Quốc lộ 39A	1.732	9	15
27	LÊ HỮU KIỀU	TDP Vân Phương	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Liên Phương	456	6	
28	AN NHÂN	TDP Vân Phương	Đường trục phía nam khu Đại học Phố Hiến	Đường Vân Phương	614	6	

TT	Tên đường, phố	Khu vực đi qua	Vị trí đường		Kích thước (m)		
			Điểm đầu (bắc, đông)	Điểm cuối (nam, tây)	Chiều dài	Chiều rộng	
						Hiện trạng	Quy hoạch
29	VÂN PHƯƠNG	TDP Vân Phương	Đường nối hai đường cao tốc Hà Nội – Hải Phòng với Cầu Giẽ - Ninh Bình	Đường Liên Phương	1.068	6	
30	TIỀN PHƯƠNG	TDP An Chiểu	Đường Lê Giản	Đường Minh Khai	983	11	28
31	MINH KHAI	TDP An Chiểu	Đường Liên Phương	Đường Quốc lộ 39A	603	15,5	
32	ĐẶNG ĐÌNH TUỞNG	TDP An Chiểu	Đường Quốc lộ 39A	Đường An Vĩnh	775	11	19
33	CỬA CÀN	TDP An Chiểu	Thửa đất số (1)/636 (Tờ 143)	Đường Lê Đình Kiên	1.749	7	24
34	THẮNG LỢI	TDP An Chiểu	Đường Quốc lộ 39A	Thửa đất số (1)/1829 (Tờ 144)	891	15	26
35	AN VĨNH	TDP An Chiểu và một phần xã Tân Hưng	Đường nối hai đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với Cầu Giẽ - Ninh Bình	Đường Lê Đình Kiên	2.450	14	35
36	VẠN LAI TRIỀU	TDP Nhân Dục, TDP Bạch Đằng Giang, TDP Lê Hồng Phong	Trường THCS Minh Khai	Vòng xuyên Bãi Sậy	2.451	13	
37	VẠN MỚI	TDP Lê Hồng Phong	Đường Lạc Long Quân	Đường Phúc Lộc	1.110	12	
38	PHÚC LỘC	TDP Lê Hồng Phong	Đường Vạn Mới	Đường Bạch Đằng	418	12	

TT	Tên đường, phố	Khu vực đi qua	Vị trí đường		Kích thước (m)		
			Điểm đầu (bắc, đông)	Điểm cuối (nam, tây)	Chiều dài	Chiều rộng	
						Hiện trạng	Quy hoạch
II. CÁC TUYẾN PHỐ TRONG ĐÔ THỊ							
39	AN LỢI	TDP An Thượng	Thửa đất ODT 4/263 5/263 (Tờ 100)	Đường Lê Văn Lương	473	7	15,5
40	NGÔ QUANG HUY	Tổ dân phố Chợ Gạo, TDP An Bình	Đường Trương Định	Đường Phùng Chí Kiên	257	9	17,5
41	ĐẶNG VŨ HIỆP	TDP Ấp Dâu	Đường Hoàng Quốc Việt	Đường Lê Thanh Nghị	145	15	22
42	NGUYỄN TRỌNG XUYỀN	TDP Ấp Dâu	Đường Hoàng Quốc Việt	Đường Lê Thanh Nghị	145	15	
43	ẤP DÂU	TDP Ấp Dâu	Đường Lê Thanh Nghị	Đường Hải Thượng Lãn Ông	220	7	13,5
44	TRẦN VĂN PHÁC	TDP Nhân Dục	Nhà TT02 KĐT Phúc Hưng	Ngõ 54 Phạm Bạch Hổ	200	11	13,5
45	ĐINH ĐỨC THIỆN	TDP Nhân Dục	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Ngõ 54 Phạm Bạch Hổ	254	11	13,5
46	AN DÂN	TDP Nhân Dục	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Thửa đất ODT 137/79.9 (Tờ 26)	343	7	15,5
47	MAI VĂN CHUNG	TDP Đông Chiểu	Đường Lê Giảm	Thửa đất số 149/3186 (Tờ 149)	298	5	
48	NGUYỄN HỮU DỰC	TDP An Chiểu	Thửa đất số LK43/249.5 403/244,5 (Tờ 142)	Đường Lê Giảm	571	15	

TT	Tên đường, phố	Khu vực đi qua	Vị trí đường		Kích thước (m)		
			Điểm đầu (bắc, đông)	Điểm cuối (nam, tây)	Chiều dài	Chiều rộng	
						Hiện trạng	Quy hoạch
49	NGUYỄN GIA CÁT	TDP An Chiêu	Thửa đất số LK1/219 266/218,5 (Tờ 142)	Phố Nguyễn Hữu Dực	495	15	
50	LÊ THẠCH	TDP Nguyễn Huệ	Đường Hồ Xuân Hương	Đường Lê Lai	192	20	24
51	HOÀNG ĐĂNG VINH	TDP Hai Bà Trưng	Đường Bà Triệu	Đường Điện Biên	305	11	14
52	TẠ QUỐC LUẬT	TDP Hai Bà Trưng	Phố Hoàng Đăng Vinh	Đường Điện Biên	256	11	14



PHỤ LỤC 03
DANH MỤC CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐẶT TÊN
(Kèm theo Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 28/9/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	CÔNG TRÌNH	DIỆN TÍCH	ĐỊA ĐIỂM
1	CÔNG VIÊN HỒ BÁN NGUYỆT	49.800	Đường Bãi Sậy, TDP Bạch Đằng Giang
2	CÔNG VIÊN AN CHIỂU	7.500	Đường An Chiểu, TDP An Chiểu
3	VƯỜN HOA NHÂN DỤC	1.530	Trên đường Nhân Dục, TDP Nhân Dục
4	VƯỜN HOA PHẠM BẠCH HỔ	4.154	Trên đường Phạm Bạch Hổ, TDP Nhân Dục
5	VƯỜN HOA TIỀN PHƯƠNG	6.725	Đường Tiền Phương, TDP An Chiểu
6	VƯỜN HOA ĐÌNH CÔNG TRÁNG	2.390	Đường Đình Công Tráng, TDP An Vũ
7	VƯỜN HOA XUÂN DIỆU	3.554	Phố Xuân Diệu, TDP Ấp Dâu
8	VƯỜN HOA HỒ ĐẮC DI	3.360	Đường Hồ Đắc Di, TDP An Dương
9	VƯỜN HOA BÙI THỊ CÚC	2.111	Đường Bùi Thị Cúc, TDP Đông Thành

